TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HS-ST
Ngày: 15-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bình, bà Dương Thị Thoa

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Vũ Trọng Th, sinh năm 1970; STQ tại: Xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị S; vợ Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/5/2020 đến ngày 07/6/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú-có mặt.

2/ Nguyễn Thị M, sinh năm 1975 tại xã Th, huyện N, tỉnh T; nơi cư trú: Xóm 2, xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Y (đã chết); chồng Vũ Trọng Th, sinh năm 1970; có 03 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú-có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện N, tỉnh T - vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N- sinh năm 1974; địa chỉ: Xóm 3, xã L, huyện N, tỉnh T- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khảng 14 giờ ngày 28/5/2020, Đội cảnh sát hình sự Công an huyện Nga Sơn phối hợp với Công an xã L đến nhà Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M để xác minh tố giác của công dân. Lúc này, trong nhà Th, M có chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1974; trú tại Xóm 3, xã L, huyện N, tỉnh T) đến trả tiền vay từ năm 2018 cho vợ chồng Th. Làm việc với Cơ quan cảnh sát điều tra, chị N khai việc vay của vợ chồng Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với lãi suất 9%/tháng từ tháng 01/2018 đến nay. Chị N đã trả được 70.000.000 đồng tiền gốc, hôm nay chị N trả thêm 10.000.000 đồng tiền gốc nên Th viết giấy đối chiếu, xác nhận khoản tiền nợ còn lại. Chị N đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT 01 giấy vay tiền, trong đó có nội dung liên quan đến số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ. Nhận thấy hành vi cho chị N vay tiền với mức lãi suất cao của mình là vi phạm pháp luật, Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M đã xin đầu thú với Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn, đồng thời Th giao nộp 01 giấy vay tiền có chữ ký người cho vay là Vũ Trọng Th, người vay là Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị N.

Sau khi Th, M xin đầu thú, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 10/CSĐT ngày 28/5/2020, khám xét khẩn cấp nơi ở của Vũ Trọng Th tại Xóm 2, xã L, huyện N, tỉnh T. Kết quả thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã thu giữ các tài liệu liên quan đến hoạt động cho vay của Vũ Trọng Th gồm: 01 hợp đồng vay tiền số 901/HĐTT ngày 17/12/2019 giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã Nga Hải và Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M; 01 thoả thuận cho vay số 273 ngày 29/3/2017 giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã Nga Hải và Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M; 01 khế ước nhận nợ số 01/248670230 ngày 26/10/2017 của Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M với Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu; 01 hợp đồng cấp tín dụng ngày 25/10/2017 của Ngân hành thương mại cổ phần Á Châu đối với Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M; 02 sổ tay kích thước (13 x 08) cm (01 sổ mặt trước có chữ "sổ ghi chép", 01 số mặt trước có chử Hải Tiến); 01 sổ tay kẻ ngang kích thước (14 x 24)cm, mặt trước có chữ "200 trang, MS 3233" và một số giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Vũ Trọng Th vào từng trang.

Kết quả điều tra đã xác định: Vào khoảng ngày 20, 21/01/2018, chị Nguyễn Thị N gọi điện thoại cho Nguyễn Thị M và trực tiếp đến nhà gặp Vũ Trọng Th hỏi vay 200.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng, thời hạn vay từ 3-5 ngày, vợ chồng Th đồng ý. Theo lời khai của Th, để có tiền cho vay, Th vay của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958, ở xóm 2, xã L số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất là 2,5%/ tháng. Chiều tối ngày 23/01/2018, Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M hẹn vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Đ đến nhà mình. Qua thỏa thuận, Vũ Trọng Th đưa ra mức lãi suất của khoản vay là 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương ứng với mức lãi suất 9%/01 tháng và 108%/năm), anh Đ, chị N đồng ý. Mặt khác, gia đình anh Nguyễn Văn Đ là hàng xóm nên Vũ Trọng Th tin tưởng, không yêu cầu anh Đ phải

thế chấp tài sản. Sau khi thỏa thuận, Th lấy ra một tờ "giấy vay tiền" được đánh máy sẵn các nội dung và yêu cầu anh Đ viết. Do lâu ngày không viết văn bản nên anh Đ nhờ Th viết, sau đó anh Đ, chị N kí tên vào giấy vay tiền và nhận 200 triệu đồng từ Nguyễn Thị M.

Khoảng 5 ngày sau, do anh Đ, chị N không trả tiền gốc và lãi của khoản vay như đã thỏa thuận nên Vũ Trọng Th nói với Nguyễn Thị M đến nhà chị N yêu cầu trả nợ. Do không có tiền nên khi gặp Nguyễn Thị M, chị N xin khất nợ và đề nghị tiếp tục trả lãi của khoản vay với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày, đến khi bán hết đàn lợn, sẽ trả đầy đủ tiền gốc. M đồng ý nên đã về nhà nói cho Th biết về đề nghị của chị Ng. Sau đó, Vũ Trọng Th gọi Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Đ đến nhà, thỏa thuận lãi suất của khoản vay là 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 18 triệu đồng/tháng), trả tiền lãi mỗi tháng một lần cho đến khi trả được nợ gốc, anh Đ, chị N đồng ý.

Từ ngày vay 23/01/2018 đến tháng 8/2018, anh Đ, chị N đã trả tiền lãi cho Th, M với số tiền 18 triệu đồng/ tháng, tổng tiền lãi 7 tháng là 126.000.000 đồng. Đồng thời trả được 70.000.000 đồng tiền nợ gốc vào tháng 8/2018 (còn lại nợ gốc là 130.000.000 đồng). Thời gian từ tháng 9 đến tháng 12/2018, anh Đ, chị N trả tiền lãi cho Th, M mỗi tháng là 11.700.000 đồng, tổng tiền lãi 4 tháng là 46.800.000 đồng. Từ tháng 1/2019, do dịch bệnh trong chăn nuôi và khó khăn trong làm ăn, anh Đ, chị N không trả được nợ, đến ngày 28/5/2020 thì trả thêm được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ gốc 120.000.000 đồng.

Như vậy từ ngày 23/01/2018 đến 23/12/2018, Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M thu được 172.800.000 đồng tiền lãi của khoản tiền vay: 200.000.000 đồng (tương đương 9%/ tháng, 108%/ năm).

Theo quy định về lãi suất của hợp đồng vay tài sản tại Điều 468 Bộ luật Dân sự "1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay" (tương đương lãi suất là 1,66%/ tháng). Như vậy, tiền lãi theo mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS của khoản tiền Th, M cho anh Đ, chị N vay: trong 7 tháng (từ tháng 1 - tháng 8/2018), tiền vay 200.000.000 đồng x 1,66%/ tháng x 7 tháng = 23.240.000 đồng; tiền lãi trong 4 tháng (từ tháng 9 - tháng 12/2018), tiền vay 130.000.000 đồng x 1,66% x 4 tháng = 8.632.000 đồng; tổng cộng là 31.872.000 đồng.

Căn cứ các quy định nêu trên thì Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M đã cho anh Đ, chị N vay 200.000.000 đồng, lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cáo nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (108%/20%), thu lời bất chính là 140.928.000 đồng (172.800.000 đồng - 31.872.000 đồng).

Ngoài việc cho anh Đ, chị N vay tiền với lãi nặng trong giao dịch dân sự đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2020, Vũ Trọng Th còn cho nhiều người khác vay tiền với lãi suất từ 1,2%/ tháng đến 9%/ tháng, song những lần cho vay này chưa đến mức

phải truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không vi phạm mức lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định, cụ thể như sau:

- Ngày 22/11/2018 Vũ Trọng Th cho anh Đinh Văn T (sinh năm 1981, trú tại Xóm 3, xã L) vay 250 triệu đồng, thời hạn 05 tháng với lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 22.500.000đ/tháng). Tuy nhiên đến tháng 02/2019, anh T mới trả lãi được 9 triệu đồng. Sau đó, Th yêu cầu trả gốc và không tính lãi (đến nay vẫn chưa trả được) nên mức lãi suất thực tế của khoản vay này chỉ là 1,2%/tháng, không vi phạm mức lãi suất do BLDS quy định.

- Ngày 01/12/2019, Vũ Trọng Th cho Đinh Thế V (sinh năm 1991; trú tại Xóm 3, xã L) vay 100 triệu đồng, với mức lãi suất 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Đến ngày 10/12/2019, V trả 50 triệu đồng tiền gốc và 03 triệu đồng tiền lãi. 10 ngày sau đó, V trả thêm 25 triệu đồng tiền gốc và 1.500.000đ tiền lãi. Từ tháng 12/2019 đến tháng 4/2020, Đinh Thế V trả 04 lần tiền lãi với tổng số tiền là 9 triệu đồng (mỗi tháng là 2.250.000đ). Như vậy tổng số tiền lãi Th thu được đối với khoản cho vay này là 13.500.000đ. Hành vi cho vay lần này của Vũ Trọng Th không có tính liên tục với hành vi cho anh Đ, chị N vay (từ tháng 01 đến tháng 12/2018), số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng nên hành vi không cấu thành tội phạm.

- Ngày 18/02/2019, Vũ Trọng Th cho chị Thịnh Thị H (sinh năm 1965, trú tại Xóm 8, xã L) vay 10 triệu đồng, với mức lãi suất 1.500đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 4,5%/tháng, 54%/ năm). Đến nay, chị H chưa trả gốc và lãi cho Thiên.

- Ngày 12/3/2019, Vũ Trọng Th cho anh Phạm Văn C (sinh năm 1979, trú tại Xóm 1, xã L) vay 50 triệu đồng, với lãi suất của toàn bộ khoản vay là 01 triệu đồng/tháng (tương đương 2%/tháng, 24%/ năm). Đến ngày 12/5/2019, anh C đã trả cho Th 50 triệu tiền vay và 02 triệu đồng tiền lãi.

- Ngày 10/6/2019, Vũ Trọng Th cho Nguyễn Bá Đ (sinh năm 1972, trú tại thôn H, xã N) vay 20 triệu đồng, với mức lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 6%/ tháng, 72%/ năm). Đến nay, anh Đ chưa trả gốc và lãi của khoản vay cho Th.

- Ngày 09/10/2019, Vũ Trọng Th cho anh Phạm Quang S (sinh năm 1973, trú tại thôn H, xã Th) vay 500 triệu đồng, thời hạn vay 02 ngày, lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày (tương đương 6%/ tháng, 72%/ năm). Ngày 11/10/2019, anh S trả 500 triệu đồng tiền vay và 2 triệu đồng tiền lãi.

Ngoài ra, Vũ Trọng Th: khai ngày 30/1/2019, Th cho anh Trần Trung K (trú tại xóm 8, xã L) vay 30 triệu đồng, với mức lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày; ngày 21/2/2020, Th cho chị Nguyễn Thị T vay 15 triệu đồng, với mức lãi suất 2.000đ/01 triệu/01 ngày. Do anh K và chị T không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được với các công dân này để làm rõ nội dung các khoản vay.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

* Từ những hành vi trên, cáo trạng số 37/CT-VKSNS-KT, ngày 18/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Vũ Trọng Th từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; về vật chứng của vụ án gồm: 02 giấy vay tiền thể hiện nội dung các bị cáo Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M cho vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Đ vay tiền; 03 cuốn sổ, 02 hợp đồng vay tiền và các giấy vay tiền thu giữ được khi khám xét khẩn cấp như đã nêu ở trên, bị cáo không yêu cầu nhận lại cần được lưu giữ hồ sơ vụ án.

Áp dụng khoản 1 Điều 468 BLDS; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS:

Số tiền gốc 200 triệu đồng của các bị cáo cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N vay được xác định là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà Nước (trong đó truy thu của các bị cáo Th và M phải liên đới nộp số tiền 80 triệu đồng; truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp số tiền 120.000.000đ).

Buộc các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M phải liên đới giao nộp khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 31.872.000đ (ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại số tiền 140.928.000đ cho chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Đ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của KSV, của các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] HĐXX nhận thấy: Với thái độ coi thường pháp luật, không lao động nhưng lại muốn hưởng thụ cao, bằng cách cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nhằm thu lợi bất chính. Tháng 01/2018, Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M cho anh Đ, chị N (trú tại Xóm 3, xã L, huyện N, tỉnh T) vay 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày, tương đương 9%/ tháng, 108%/ năm, thời hạn vay từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2018, thu được 172.800.000 đồng tiền lãi. Như vậy, lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất

chính 140.928.000 đồng. Anh Đ, chị N đã trả cho Th, M 80.000.000 đồng tiền vay (tiền gốc), còn lại chưa thanh toán 120.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 5/2020, Vũ Trọng Th còn cho một sồ người khác vay với các khoản tiền vay, lãi suất khác nhau, song chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, các bị cáo không có sư bàn bạc câu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo còn có mối quan hệ vợ chồng. Tuy nhiên, hành vi cho vay lãi suất cao của các bị cáo liên quan đến hoạt động tín dụng đen, gây tác động đến nhiều loại tội phạm khác trong xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và xử lý vi phạm liên quan đến hoạt động tín dụng đen trên địa bàn huyện Nga Sơn và các địa phương lân cận.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật, biết rõ việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích hám lời, các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của Bộ luật Hình sự tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Vũ Trọng Th là người thực hành tích cực trong những lần giao dịch, bị cáo M phải thông qua và hỏi ý kiến của bị cáo Th có đồng ý hay không. Do vậy , trong vụ án bị cáo Th có vai trò cao hơn bị cáo M nên bị cáo Th phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo M.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS):

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo và người phạm tội đầu thú, theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Từ những nhận xét trên, HĐXX nghĩ cần lên cho các bị cáo mức hình phạt nghiêm, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo. Song HĐXX xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên chỉ cần lên cho các bị cáo một mức án phù hợp, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách dưới sự theo dõi, giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ điều kiện để cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo Th và M nghề nghiệp lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp: Số tiền gốc 200 triệu đồng của các bị cáo cho anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N vay được xác định là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung quỹ Nhà Nước (trong đó truy thu của các bị cáo Th và M phải liên đới nộp số tiền 80 triệu đồng; truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp số tiền 120.000.000đ).

Đối với số tiền lãi anh Đ, chị N trả cho các bị cáo Th và M là 172.800.000đ (tương đương 9%/tháng, 108%/năm), các bị cáo thu lời bất chính là 140.928.000đ. Tuy nhiên, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 108%/năm của 172.800.000đ theo quy định tại khoản 1Điều 468 Bộ luật Dân sự thì 20%/năm (tương đương lãi suất là 1,66%/tháng) sẽ là 31.872.000đ, đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Các bị cáo Th và M phải liên đới nộp tổng số tiền: 80.000.000đ + 31.872.000 = 111.872.000đ.

Buộc các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M phải liên đới trả lại số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị nguyễn Thị N là 140.928.000đ.

[6] Về vật chứng gồm: 02 giấy vay tiền thể hiện nội dung các bị can Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M cho vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Đ vay tiền; 03 cuốn sổ, 02 hợp đồng vay tiền và các giấy vay tiền thu giữ được khi khám xét khẩn cấp như đã nêu ở trên cần được lưu giữ hồ sơ vụ án.

[7] Tại phiên tòa HĐXX nhận thấy: Bản cáo trạng, quyết định truy tố và lời luận tội của VKS đối với các bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đối với các bị cáo trước cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình gây nên, lời nói sau cùng của các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan lời khai có trong hồ sơ vụ án đều phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa.

Trong hồ sơ vụ án, tính hợp pháp của các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều tuân thủ theo quy định của BLTTHS tại Điều 37 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Điều tra viên và Điều 42 nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M.

* Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M phạm tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

* Xử phạt:

- Bị cáo Vũ Trọng Th 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị M 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, theo quy định của Luật Thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS:

Truy thu số tiền gốc 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) được xác định là phương tiện phạm tội của các bị cáo Th và M phải liên đới nộp để sung quỹ Nhà nước.

Buộc các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M phải liên đới giao nộp khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 31.872.000đ (ba mươi mốt triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Truy thu đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc các bị cáo Vũ trọngTh và Nguyễn Thị M phải liên đới trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị N số tiền 140.928.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng chín trăm hai mươi tám nghìn đồng).

* Về vật chứng gồm: 02 giấy vay tiền thể hiện nội dung các bị cáo Vũ Trọng Th, Nguyễn Thị M cho vợ chồng chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Đ vay tiền; 03 cuốn sổ, 02 hợp đồng vay tiền và các giấy vay tiền thu giữ được khi khám xét khẩn cấp được lưu giữ hồ sơ vụ án.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Các bị cáo Vũ Trọng Th và Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Nga Sơn;
- THADS huyện Nga Sơn;
- Bị cáo;
- Người có QLNV LQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Tuyển

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Ngọc Bình Dương Thị Thoa **Tạ văn Tuyển**